

**MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA,  
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC  
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3622/QĐ-ĐHM ngày 04 / 10 /2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Hà Nội)*

**A. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program Education Objective)**

**I.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Mở Hà Nội nhằm đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh có sức khỏe, phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để quản trị doanh nghiệp; có trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng; có năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ; có khả năng sử dụng tiếng Anh, vận dụng tư duy thiết kế, tư duy hệ thống, tư duy đổi mới sáng tạo nhằm thích ứng với nền kinh tế số & hội nhập.

**I.2. Mục tiêu cụ thể**

Trường Đại học Mở Hà Nội đào tạo người học tốt nghiệp Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh:

MT1. Có kiến thức chuyên môn về Quản trị kinh doanh để tư vấn, thực hiện hiệu quả các hoạt động quản lý, kinh doanh trong thực tiễn.

MT2. Có kỹ năng nghề nghiệp về Quản trị kinh doanh để thích ứng và làm việc hiệu quả trong các môi trường làm việc hội nhập, đa dạng về văn hoá và công nghệ phát triển.

MT3. Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc phát triển năng lực bản thân và năng lực nghề nghiệp quản trị kinh doanh hướng đến phục vụ cộng đồng và phát triển bền vững.

**II. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program Learning Outcomes)**

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mở Hà Nội có khả năng:

CĐR 1. Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành, hỗ trợ để giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

CĐR 2. Vận dụng tư duy thiết kế, tư duy hệ thống, tư duy đổi mới, sáng tạo trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn lĩnh vực quản trị kinh doanh.

CĐR 3. Sử dụng ngoại ngữ Tiếng Anh vào hoạt động quản trị kinh doanh.

CĐR 4. Vận dụng công cụ số trong hoạt động chuyên môn về quản trị kinh doanh và học tập, nghiên cứu.

CĐR 5. Làm việc nhóm để giải quyết công việc quản trị kinh doanh và tham gia hoạt động tập thể, cộng đồng.

CDR 6. Giao tiếp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

CDR 7. Lập kế hoạch, tổ chức và giám sát hoạt động quản trị kinh doanh dựa trên cơ sở đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp có cân nhắc đến các yếu tố văn hóa, xã hội, môi trường và kinh tế.

CDR 8. Định hướng nghề nghiệp và khởi nghiệp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững.

CDR 9. Tự chủ trong công việc và hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ đối với công việc quản trị kinh doanh

C  
R  
H  
H

22

### III. QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU CỤ THỂ VỚI TẦM NHÌN, SỨ MẠNG CỦA TRƯỜNG

<p><b>Mục tiêu cụ thể:</b> Đào tạo người học</p>	<p><b>Tầm nhìn:</b> Trường Đại học Mở Hà Nội phấn đấu trở thành một cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực, đa trình độ, đa phương thức trong đó chú trọng đào tạo từ xa, có vị trí xứng đáng trong hệ thống các trường đại học mở Châu Á, thông qua nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học, vì một nền giáo dục đại học đại chúng, một xã hội học tập và học tập suốt đời.</p>	<p><b>Sứ mạng:</b> Mở cơ hội học tập cho mọi người với chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng với nhiều loại hình, chú trọng giáo dục từ xa, đa ngành, đa trình độ, phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế.</p>
<p><b>MT1.</b> Có kiến thức chuyên môn về Quản trị kinh doanh để tư vấn, thực hiện hiệu quả các hoạt động quản lý, kinh doanh trong thực tiễn.</p>	<p>x</p>	<p>x</p>
<p><b>MT2.</b> Có kỹ năng nghề nghiệp về Quản trị kinh doanh để thích ứng và làm việc hiệu quả trong các môi trường làm việc hội nhập, đa dạng về văn hoá và công nghệ phát triển.</p>	<p>x</p>	<p>x</p>
<p><b>MT3.</b> Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc phát triển năng lực bản thân và năng lực nghề nghiệp quản trị kinh doanh hướng đến phục vụ cộng đồng và phát triển bền vững.</p>	<p>x</p>	<p>x</p>



#### IV. QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA CTĐT VỚI MỤC TIÊU CTĐT

<p><b>Mục tiêu cụ thể:</b></p> <p><b>Chuẩn đầu ra CTĐT:</b> Người học tốt nghiệp có khả năng:</p>	<p><b>MT1.</b> Có kiến thức chuyên môn về Quản trị kinh doanh để tư vấn, thực hiện hiệu quả các hoạt động quản lý, kinh doanh trong thực tiễn.</p>	<p><b>MT2.</b> Có kỹ năng nghề nghiệp về Quản trị kinh doanh để thích ứng và làm việc hiệu quả trong các môi trường làm việc hội nhập, đa dạng về văn hoá và công nghệ phát triển.</p>	<p><b>MT3.</b> Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc phát triển năng lực bản thân và năng lực nghề nghiệp quản trị kinh doanh hướng đến phục vụ cộng đồng và phát triển bền vững.</p>
<b>CĐR 1.</b> Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành, hỗ trợ để giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	X	X	
<b>CĐR 2.</b> Vận dụng tư duy thiết kế, tư duy hệ thống, tư duy đổi mới, sáng tạo trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn lĩnh vực quản trị kinh doanh.	X	X	
<b>CĐR 3.</b> Sử dụng ngoại ngữ Tiếng Anh vào hoạt động quản trị kinh doanh.		X	
<b>CĐR 4.</b> Vận dụng công cụ số trong hoạt động chuyên môn về quản trị kinh doanh và học tập, nghiên cứu.	X	X	X
<b>CĐR 5.</b> Làm việc nhóm để giải quyết công việc quản trị kinh doanh và tham gia hoạt động tập thể, cộng đồng.		X	X
<b>CĐR 6.</b> Giao tiếp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.		X	X
<b>CĐR 7.</b> Lập kế hoạch, tổ chức và giám sát hoạt động quản trị kinh doanh dựa trên cơ sở đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp có cân nhắc đến các yếu tố văn hóa, xã hội, môi trường và kinh tế.	X		X
<b>CĐR 8.</b> Định hướng nghề nghiệp và khởi nghiệp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững.		X	X
<b>CĐR 9.</b> Tự chủ trong công việc và hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ đối với công việc quản trị kinh doanh			X

**V. Đối sánh Chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia (TĐQG) Việt Nam (Quyết định 1982) trình độ đại học (bậc 6)**

<b>Khung TĐQG bậc 6</b> <b>CĐR chương trình đào tạo</b> Người học tốt nghiệp có khả năng	Kiến thức					Kỹ năng						Tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TC & TN 1	TC & TN 2	TC & TN 3	TC & TN 4
<b>CĐR 1.</b> Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành, hỗ trợ để giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	X	X	X	X	X										
<b>CĐR 2.</b> Vận dụng tư duy thiết kế, tư duy hệ thống, tư duy đổi mới, sáng tạo trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn lĩnh vực quản trị kinh doanh.		X	X	X	X	X									X
<b>CĐR 3.</b> Sử dụng ngoại ngữ Tiếng Anh vào hoạt động quản trị kinh doanh.											X				
<b>CĐR 4.</b> Vận dụng công cụ số trong hoạt động chuyên môn về quản trị kinh doanh và học tập, nghiên cứu.			X												
<b>CĐR 5.</b> Làm việc nhóm để giải quyết công việc quản trị kinh doanh và tham gia hoạt động tập thể, cộng đồng.												X	X		
<b>CĐR 6.</b> Giao tiếp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.								X		X					
<b>CĐR 7.</b> Lập kế hoạch, tổ chức và giám sát hoạt động quản trị kinh doanh dựa trên cơ sở đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp có cân nhắc đến các yếu tố văn hóa, xã hội, môi trường và kinh tế.							X								
<b>CĐR 8.</b> Định hướng nghề nghiệp và khởi nghiệp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững.									X						
<b>CĐR 9.</b> Tự chủ trong công việc và hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ đối với công việc quản trị kinh doanh												X		X	X



## B. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### I. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Quản trị kinh doanh
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Business administration
3. Trình độ đào tạo:	Đại học
4. Mã ngành đào tạo:	7340101
5. Đối tượng tuyển sinh:	Theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Mở Hà Nội
6. Hình thức đào tạo:	Tất cả các hình thức đào tạo
7. Số tín chỉ yêu cầu:	126
8. Thời gian đào tạo:	04 năm
9. Thang điểm:	4
10. Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hoàn thành chương trình đào tạo</li><li>- Các yêu cầu khác theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Mở Hà Nội</li></ul>
11. Văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
12. Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chuyên viên hoặc nhà quản lý tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, đầu tư.</li><li>- Viên chức, nhà quản lý tại các cơ quan nhà nước</li><li>- Nhà sáng lập doanh nghiệp</li><li>- Cán bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học ở các Viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng trên cả nước</li></ul>
13. Khả năng nâng cao trình độ:	Sau đại học
14. Chương trình đào tạo tham khảo:	<p>Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh của:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</li><li>- Trường Đại học Thương mại</li><li>- Trường Đại học Rmit</li><li>- Trường Kinh doanh và Quản lý, ĐH Quebec tại Montreal (ESG UQAM)</li><li>- Đại học YALE (USA)</li></ul>

## II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH MÃ NGÀNH: 7340101

TT	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại học phần		
				Bắt buộc	Tự chọn theo định hướng	Tự chọn tự do
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		35			
I.1	Giáo dục cơ bản		25			
1	Triết học Mác-Lênin	K1.GDĐC	3	X		
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	K1.GDĐC	2	X		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K1.GDĐC	2	X		
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	K1.GDĐC	2	X		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K1.GDĐC	2	X		
6	Pháp luật đại cương	K1.GDĐC	2	X		
7	Tin học đại cương	K1.GDĐC	3	X		
8	Tiếng Anh cơ bản 1	K1.GDĐC	3	X		
9	Tiếng Anh cơ bản 2	K1.GDĐC	3	X		
10	Tiếng Anh cơ bản 3	K1.GDĐC	3	X		
I.2	Khoa học cơ bản		6			
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	K2.KHCB	3	X		
12	Toán ứng dụng trong kinh tế	K2.KHCB	3	X		
I.3	Kỹ năng mềm, bổ trợ khác (chọn 4 tín chỉ)		4			
13	Lịch sử các học thuyết kinh tế	K3.KN/BT	2			X
14	Tâm lý kinh doanh	K3.KN/BT	2			X
15	Soạn thảo văn bản quản lý DN	K3.KN/BT	2			X
16	Kinh tế quốc tế	K3.KN/BT	2			X
17	Đàm phán kinh doanh	K3.KN/BT	2			X
18	Đạo đức và Văn hóa kinh doanh	K3.KN/BT	2			X
II	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ KHỐI NGÀNH		45			
II.1	Cơ sở ngành		24			
19	Kinh tế vi mô	K4.CSN	3	X		
20	Kinh tế vĩ mô	K4.CSN	3	X		
21	Lý thuyết tài chính tiền tệ	K4.CSN	3	X		



TT	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại học phần		
				Bắt buộc	Tự chọn theo định hướng	Tự chọn tự do
22	Nguyên lý kế toán	K4.CSN	3	X		
23	Nguyên lý thống kê kinh tế	K4.CSN	3	X		
24	Marketing căn bản	K4.CSN	3	X		
25	Luật kinh tế	K4.CSN	3	X		
26	Quản trị kinh doanh 1	K4.CSN	3	X		
<b>II.2</b>	<b>Cơ sở nhóm ngành</b>		<b>21</b>			
	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>12</b>			
27	Quản trị chiến lược	K5.CSNN	3	X		
28	Quản trị nhân lực	K5.CSNN	3	X		
29	Tài chính doanh nghiệp	K5.CSNN	3	X		
30	Phân tích kinh doanh	K5.CSNN	3	X		
	<b>Học phần tự chọn (chọn 9 tín chỉ)</b>		<b>9</b>			
31	Phân tích báo cáo tài chính	K5.CSNN	3			X
32	Quản lý nhà nước về kinh tế	K5.CSNN	3			X
33	Kinh tế phát triển	K5.CSNN	3			X
34	Quản trị công nghệ	K5.CSNN	3			X
35	Tín dụng và thanh toán quốc tế	K5.CSNN	3			X
36	Thị trường chứng khoán	K5.CSNN	3			X
37	Thương mại điện tử căn bản	K5.CSNN	3			X
38	Kinh tế môi trường	K5.CSNN	3			X
39	Trò chơi kinh doanh	K5.CSNN	3			X
40	Định giá tài sản	K5.CSNN	3			X
41	Thuế	K5.CSNN	3			X
<b>III</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>		<b>38</b>			
<b>III.1</b>	<b>Chuyên ngành</b>		<b>33</b>			
	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>21</b>			
42	Quản trị kinh doanh 2	K6.CN	3	X		
43	Quản trị tác nghiệp	K6.CN	3	X		
44	Quản trị thương hiệu	K6.CN	3	X		
45	Tin học ứng dụng trong quản trị	K6.CN	3	X		

82



TT	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại học phần		
				Bắt buộc	Tự chọn theo định hướng	Tự chọn tự do
46	Kế toán quản trị	K6.CN	3	X		
47	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 1	K6.CN	3	X		
48	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 2	K6.CN	3	X		
	<b>Học phần tự chọn (chọn 1 trong các Module)</b>		<b>12</b>			
	<b>Module về Quản trị Marketing</b>		<b>12</b>			
49	Marketing số căn bản	K6.CN	3		X	
50	Quản trị truyền thông	K6.CN	3		X	
51	Quản trị quan hệ công chúng	K6.CN	3		X	
52	Quản trị quan hệ khách hàng	K6.CN	3		X	
	<b>Module về Quản trị doanh nghiệp</b>		<b>12</b>			
53	Quản trị kinh doanh quốc tế	K6.CN	3		X	
54	Quản trị logistic và chuỗi cung ứng	K6.CN	3		X	
55	Quản trị rủi ro	K6.CN	3		X	
56	Quản trị chất lượng	K6.CN	3		X	
	<b>Module về Quản trị tài chính</b>		<b>12</b>			
57	Quản trị dòng tiền	K6.CN	3		X	
58	Tài chính quốc tế	K6.CN	3		X	
59	Fintech	K6.CN	3		X	
60	Quản trị dự án đầu tư	K6.CN	3		X	
<b>III.2</b>	<b>Kiến tập/ Thực tập/ Trải nghiệm</b>		<b>5</b>			
61	Đề án khởi sự kinh doanh	K7.TN	3	X		
62	Kiến tập	K7.TN	2	X		
<b>IV</b>	<b>TỐT NGHIỆP</b>		<b>8</b>			
63	Khóa luận tốt nghiệp	K8.TN	8	X		
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>126</b>			

72

TT	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại học phần		
				Bắt buộc	Tự chọn theo định hướng	Tự chọn tự do
46	Kế toán quản trị	K6.CN	3	X		
47	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 1	K6.CN	3	X		
48	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 2	K6.CN	3	X		
	<b>Học phần tự chọn (chọn 1 trong các Module)</b>		<b>12</b>			
	<b>Module về Quản trị Marketing</b>		<b>12</b>			
49	Marketing số/Digital Marketing	K6.CN	3		X	
50	Quản trị truyền thông	K6.CN	3		X	
51	Quản trị quan hệ công chúng	K6.CN	3		X	
52	Quản trị quan hệ khách hàng	K6.CN	3		X	
	<b>Module về Quản trị doanh nghiệp</b>		<b>12</b>			
53	Quản trị kinh doanh quốc tế	K6.CN	3		X	
54	Quản trị logistic và chuỗi cung ứng	K6.CN	3		X	
55	Quản trị rủi ro	K6.CN	3		X	
56	Quản trị chất lượng	K6.CN	3		X	
	<b>Module về Quản trị tài chính</b>		<b>12</b>			
57	Quản trị dòng tiền	K6.CN	3		X	
58	Tài chính quốc tế	K6.CN	3		X	
59	Fintech	K6.CN	3		X	
60	Quản trị dự án đầu tư	K6.CN	3		X	
<b>III.2</b>	<b>Kiến tập/ Thực tập/ Trải nghiệm</b>		<b>5</b>			
61	Đề án khởi sự kinh doanh	K7.TN	3	X		
62	Kiến tập	K7.TN	2	X		
<b>IV</b>	<b>TỐT NGHIỆP</b>		<b>8</b>			
63	Khóa luận tốt nghiệp	K8.TN	8	X		
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>126</b>			